

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: TPL23B1KH Năm học: 24-25
Mã MH/MĐ: MH02215 Học kỳ: 01
Tên MH/MĐ: Soạn thảo văn bản
Số TC: 2

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2353801015277	Nguyễn Trung	An	19/05/1987			9.5	10.0	9.5		9.0		9.3
2	2353801015278	Huỳnh Văn	Chiến	10/07/1977			0	0.0	0.0		CT		0.0
3	2353801015279	Nguyễn Bé	Dư	04/05/1982			5	6.0	8.5		6.5		6.6
4	2353801015280	Lê Thanh	Dũng	01/01/1965			5	5.0	9.0		7.0		6.8
5	2353801015281	Huỳnh Văn	Đèo	18/03/1988			9.5	9.5	9.5		9.0		9.2
6	2353801015282	Nguyễn Tạ Trúc	Giang	19/09/1982			9	9.0	8.0		8.0		8.2
7	2353801015283	Nguyễn Thị	Giang	21/06/1990			9.5	9.5	10.0		9.0		9.3
8	2353801015284	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/11/1985			9	5.0	9.0		8.5		8.1
9	2353801015285	Lê Minh	Hiền	20/02/2001			5	5.0	8.0		6.5		6.4
10	2353801015286	Nguyễn Văn	Hiền	06/12/1983			9.5	9.5	10.0		8.5		9.0
11	2353801015287	Thái Xuân	Hoàng	02/09/1988			9.5	10.0	10.0		9.0		9.4
12	2353801015289	Huỳnh Quốc	Huy	18/10/1993			9.5	9.0	9.5		9.5		9.4
13	2353801015290	Nguyễn Hoàng	Khanh	01/12/1982			5	8.5	9.0		7.5		7.7
14	2353801015291	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	14/03/1985			9	9.5	9.5		7.0		8.0
15	2353801015292	Phạm Thị Mỹ	Lệ	04/05/1983			9.5	8.0	9.5		9.5		9.3
16	2353801015293	Ngô Văn	Nấm	19/11/1975			9	9.0	9.0		7.5		8.1
17	2353801015294	Trịnh Thị Kim	Ngân	15/11/1993			8.5	5.0	9.0		8.0		7.7
18	2353801015295	Trần Văn	Nghé	19/05/1985			8.5	9.5	9.5		9.0		9.1
19	2353801015296	Huỳnh Văn	Nghĩa	08/05/1974			8.5	8.5	8.0		6.5		7.2
20	2353801015297	Nguyễn Đức	Nhã	20/05/1974			9.5	9.5	9.5		9.0		9.2
21	2353801015298	Lê Thành	Nhân	10/05/1988			8.5	9.5	9.5		9.5		9.4
22	2353801015368	Lê Thị Ngọc	Thảo	12/08/1987			9	5.0	8.0		7.0		7.0
23	2353801015375	Nguyễn Minh	Thuận	19/09/2003			9	9.5	9.5		7.5		8.3

Châu Đốc, ngày 4 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Ngọc Xoàn